Số: 2096/BC-STP; 15/09/2022; 10:32:44

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 7
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG GIAI ĐOẠN 2016-2021
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-STP ngày /9/2022 của Sở Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
A	**ĐẤT, NHÀ TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP**											
I	**VỀ ĐẤT**											
1	**Tổng diện tích**	**m2**	**2500m2**	**2500m2**	**2500m2**	**2500m2**					Giấy chứng nhận số BH 241320	
2	**Hiện trạng sử dụng**											
a	Làm trụ sở làm việc	m2	**2500m2**	**2500m2**	**2500m2**	**2500m2**					Giấy chứng nhận số BH 241320	
b	Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp	m2										
c	Kinh doanh	m2										
d	Cho thuê	m2										
đ	Liên doanh, liên kết	m2										
e	Sử dụng khác	m2										
3	**Giá trị theo sổ kế toán**	**1.000 đ**										
II	**VỀ NHÀ**											
1	**Tổng diện tích**	**m2**	**589,11m2**	**589,11m2**	**589,11m2**	**589,11m2**						
2	**Hiện trạng sử dụng**											
a	Làm trụ sở làm việc	m2	589,11m2	589,11m2	589,11m2	589,11m2						
b	Làm cơ sở hoạt động sự nghiệp	m2										

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
c	Kinh doanh	m2										
d	Cho thuê	m2										
đ	Liên doanh, liên kết	m2										
e	Sử dụng khác	m2										
3	**Nguyên giá theo sổ kế toán**	**1.000 đ**										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										
b	Nguồn khác	1.000 đ										
4	**Giá trị còn lại theo sổ kế toán**	**1.000 đ**				**138.519.650**						
B	**XE Ô TÔ**											
I	**XE PHỤC VỤ CHỨC DANH**											
1	**Tổng số xe phục vụ chức danh**	**cái**										
2	**Hiện trạng sử dụng**											
a	***Quản lý nhà nước***	***cái***										
b	***Hoạt động sự nghiệp***	***cái***										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	*Sử dụng khác*	*cái*										
3	**Nguyên giá theo sổ kế toán**	**1.000 đ**										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
4	**Giá trị còn lại theo sổ kế toán**	**1.000 đ**										
II	**XE PHỤC VỤ CHUNG**											
1	**Tổng số xe phục vụ chung**	**cái**	**1**	**1**	**1**	**1**						
2	**Hiện trạng sử dụng**											
a	***Quản lý nhà nước***	***cái***	**1**	**1**	**1**	**1**						
b	***Hoạt động sự nghiệp***	***cái***										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	*Sử dụng khác*	*cái*										
3	**Nguyên giá theo sổ kế toán**	**1.000 đ**										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										
b	Nguồn khác	1.000 đ										
4	**Giá trị còn lại theo sổ kế toán**		**240,000,000 (Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 20/9/2010)**									
III	**XE CHUYÊN DÙNG**											
1	**Tổng số xe chuyên dùng**	**cái**										
2	**Hiện trạng sử dụng**											
a	***Quản lý nhà nước***	***cái***										
b	***Hoạt động sự nghiệp***	***cái***										

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	*Sử dụng khác*	*cái*										
3	**Nguyên giá theo sổ kế toán**	**1.000 đ**										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										
b	Nguồn khác	1.000 đ										
4	**Giá trị còn lại theo sổ kế toán**											
C	**TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC (NGOÀI ĐẤT, NHÀ, XE Ô TÔ)**											
I	**TÊN TÀI SẢN…**											
1	**Hiện trạng sử dụng**											
a	***Quản lý nhà nước***	***cái***										
b	***Hoạt động sự nghiệp***	***cái***										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	***Sử dụng khác***	***cái***										
2	**Nguyên giá theo sổ kế toán**	**1.000 đ**										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										

TT	NỘI DUNG	ĐVT	Thời điểm 31/12/2015	Thời điểm 31/12/2016	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	TĂNG (+)/GIẢM (-)			nguyên nhân tăng, giảm	TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ (Giấy Chứng nhận, đăng ký, Hợp đồng thuê, Giấy tờ khác)	ghi chú
							Năm 2016 so với năm 2015	Năm 2020 so với năm 2015	Năm 2021 so với năm 2020			
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	**Giá trị còn lại theo sổ kế toán**	**1.000 đ**										
II	**TÊN TÀI SẢN…**											
1	**Hiện trạng sử dụng**											
a	***Quản lý nhà nước***	***cái***										
b	***Hoạt động sự nghiệp***	***cái***										
	- Kinh doanh	cái										
	- Không kinh doanh	cái										
	- Cho thuê	cái										
	- Liên doanh, liên kết	cái										
c	*Sử dụng khác*	*cái*										
2	**Nguyên giá theo sổ kế toán**	**1.000 đ**										
a	Nguồn ngân sách	1.000 đ										
b	Nguồn khác	1.000 đ										
3	**Giá trị còn lại theo sổ kế toán**	1.000 đ										
III	**TÊN TÀI SẢN…**											
	…...											